**PHIẾU LUYỆN TẬP MÔN HÓA 9 – PHIẾU SỐ 04**

**Phần A – Trắc nghiệm**

**I. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1**: Hòa tan 50g muối ăn vào 200g nước thu được dung dịch có nồng độ % là:

 A. 20%. B. 20,33%. C. 30% D. 52,7%.

**Câu 2**: Số gam KMnO4 cần dùng để điều chế 2,24l khí oxi (đktc) trong phòng thí nghiệm là

 A. 31g. B. 22,7g. C. 31,6g. D. 16,8g.

**Câu 3:** Số gam NaCl trong 50g dung dịch NaCl 40% là:

 A. 40g. B. 30g. C. 20g. D. 50g.

**Câu 4**: Cặp chất nào sau đây có thể cùng tồn tại trong cùng dung dịch?

A. NaOH và HBr. C. HCl và KNO3.

B. H2SO4 và BaCl2. D. NaOH và MgSO4.

**Câu 5**: Cho thanh Zn vào dung dịch CuSO4. Sau 1 tgian lấy thanh Zn ra. Biết rằng Cu sinh ra bám hết vào thanh kẽm thì khối lượng thanh kẽm sau phản ứng sẽ:

 A. Không đổi. B. tăng lên.

 C. giảm xuống. D. Tăng lên sau đó giảm xuống.

**Câu 6 *(Hiệu suất)***: Nung 150kg CaCO3 thu được 67,2kg CaO. Hiệu suất phản ứng là:

 A. 75%. B. 60%. C. 80%. D. 70%

**Câu 7**: Cho các dung dịch Na2CO3, Na2SO4, Na2SO3 . Thuốc thử dùng để phân biệt 3 dung dịch đó là:

 A. Dung dịch Ca(OH)2 B. quỳ tím.

 C. dung dịch H2SO4 loãng. D. Dung dịch BaCl2

**Câu 8**: Để phân biệt các dung dịch : NaCl, CaCl2, AlCl3 cần dùng hóa chất nào dưới đây:

 A. Quỳ tím.

 B. Dung dịch NaOH, dung dịch Na2CO3

 C. dung dịch H2SO4, dung dịch AgNO3

D. dung dịch NaOH, dung dịch NaHCO3

**Câu 9**: Cho sơ đồ sau : Mg+ CO2→X+ Y; X+HCl→Z+ H2O; Z+NaOH→T+NaCl; T→X+H2O. Vậy công thức hóa học của Z là

A. MgO B. MgCO3 C. MgC2 D. MgCl2

**Câu 10**: phản ứng nào không tạo kết tủa trắng?

A. Dung dịch AlCl3 tác dụng với dung dịch NaAlO2.

B. Al tác dụng với dung dịch KOH.

C. HCl tác dụng với dung dịch KAlO2 theo tỉ lệ mol 1:1

D. dung dịch AlCl3 tác dụng với dung dịch NH3.

**Câu 11**: Phản ứng của cặp chất nào dưới đây không tạo sản phẩm khí?

A. Dung dịch AlCl3 + dung dịch NaOH.

B. Dung dịch Al(NO3)3 + dung dịch Na2S.

C. dung dịch AlCl3 + dung dịch Na2CO3.

D. Al + dung dịchNaOH.

**Câu 12**: Cặp chất không thể tồn tại đồng thời trong cùng 1 dung dịch là:

A. NaOH, MgSO4. B.KCl, Na2SO4.

C. CuCl2, NaNO3. D. ZnSO4, H2SO4.

**Câu 13**: Có thể điều chế oxi trong phòng thí nghiệm bằng các muối nào sau đây?

A. KMnO4, KClO3. B. CaCO3, KMnO4.

C. K2SO4, NaNO3. D. MgCO3, CuSO4.

**Câu 14**: Cặp chất nào sau đây không thể cùng tồn tại trong dung dịch ?

 A. CuCl2 và NaNO3. C. KCl và Na2SO4.

 B. NaOH và MgSO4. D. ZnSO4 và H2SO4.

**Câu 15**: Để nhận biết dung dịch Na2SO4 và Na2CO3 có thể dùng thuốc thử nào sau đây?

 A. Dung dịch Pb(NO3)2. B. dung dịch HCl.

 C. dung dịch AgNO3. D. dung dịch BaCl2.

**II. BÀI TẬP TỰ LUẬN :**

**Bài 1:** Cho các chất sau đây: Mg(OH)2 , CaCO3, CaO, Ca(OH)2, Ca(HCO3)2, CaCl2 , SO3, H3PO4, Cu(OH)2, CuO, CO2, NaCl, Fe2O3, P2O5, Na2O, HCl, FeCl3, NaOH, Na2CO3 , Fe(OH)3 , NaHCO3.

a) Những chất nào là muối axit? Gọi tên từng chất.

b) Những chất nào là muối trung hòa? Gọi tên từng chất.

**Bài 2:** Hãy viết các PTHH thực hiện chuyển hóa:

Na$→$Na2O$→$NaOH$→$Na2CO3$→$NaCl$→$AgCl

(6)

 Na2SO4$→$BaSO4

(13)

(8)

(9)

(11)

(12)

(14)

(10)

Al Al2O3 AlCl3 Al(OH)3 Al2O3

 Al2(SO4)3  BaSO4